

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
Báo cáo kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình tăng, giảm Vốn chủ sở hữu	28

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

1. Khái quát

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE (tên viết tắt là: BTREWACO) là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5504000010 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 22 tháng 03 năm 2010 (Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 2 là 1300107725).

- Vốn điều lệ : 119.925.574.903 VND

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.
Địa chỉ: Số 005, khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Xí nghiệp tư vấn xây dựng.
Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Xí nghiệp xây lắp.
Địa chỉ: Số 81A, ấp 1, quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai;
- Sản xuất và phân phối nước sạch. Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

Năm 2012 ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Thành phần Ban Giám đốc

Thành phần Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Chí Vũ	Giám đốc
Bà Hồ Thị Bích Hà	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Phong	Kế toán trưởng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực, Chế độ và chính sách kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Số: 83/2012/HĐKT-KSi

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE (sau đây viết tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 28.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá tính tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra được những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Như đã nêu tại mục V.18 – Thuyết minh báo cáo tài chính, Vốn khác của chủ sở hữu 3.279.663.728 đồng và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 5.195.721.608 đồng là số dư từ các năm trước chuyển sang, chúng tôi cũng không có đầy đủ cơ sở để xác định tính đúng đắn của các khoản mục này;

Như nêu tại mục V.14 – Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư Chi phí phải trả 1.876.850.322 đồng là khoản trích trước chi phí lãi vay của các năm trước theo bảng duyệt giá thành của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre (Dự án Sơn Đông – Tân Phú) nhưng chi phí lãi vay phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích. Công ty đang xin ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre để xử lý khoản chi phí lãi vay trích vượt này;

Công ty chưa trích khấu hao cho Hệ thống thoát nước quốc lộ 60 và Hệ thống thoát nước Bến Tre với giá trị khấu hao ước tính là 529.860.144 đồng.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÊN TRE tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÊN TRE, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định kế toán có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam



Trương Quang Anh – Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 950/KTV

Bùi Minh Khoa – Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1865/KTV

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.787.299.945	37.185.799.062
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.770.966.345	13.928.543.940
1. Tiền	111		7.623.493.476	2.334.423.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.147.472.869	11.594.120.856
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	9.316.574.853	11.112.338.932
1. Phải thu khách hàng	131		8.238.875.903	8.485.859.082
2. Trả trước cho người bán	132		988.748.250	2.489.503.742
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		88.950.700	136.976.108
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	6.408.495.808	6.009.451.117
1. Hàng tồn kho	141		6.408.495.808	6.009.451.117
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		291.262.939	6.135.465.073
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.157.205.213
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	122.997.389	764.695.570
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	168.265.550	213.564.290
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.440.760.967	213.589.209.381
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		209.361.069.536	210.735.745.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	205.826.447.959	165.780.651.440
- Nguyên giá	222		306.677.043.137	250.132.034.520
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(100.850.595.178)	(84.351.383.080)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	459.201.234	204.166.667
- Nguyên giá	228		538.367.900	220.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(79.166.666)	(15.833.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	3.075.420.343	44.750.927.251
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.079.691.431	2.853.464.023
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.079.691.431	2.853.464.023
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		245.228.060.912	250.775.008.443

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.663.158.286	111.900.770.120
I. Nợ ngắn hạn	310		26.659.877.512	26.503.141.019
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	14.084.680.000	14.770.264.000
2. Phải trả người bán	312	V.11	310.038.784	2.818.656.620
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.485.012.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	607.880.969	266.925.187
5. Phải trả người lao động	315		3.941.650.161	2.903.261.670
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1.876.850.322	2.175.317.210
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	135.549.271	152.283.066
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	4.218.216.005	3.416.433.266
II. Nợ dài hạn	330		74.003.280.774	85.397.629.101
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	74.003.280.774	85.231.301.124
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	166.327.977
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.564.902.626	138.874.238.323
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	144.564.902.626	138.874.238.323
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		102.108.198.840	102.108.198.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.279.663.728	3.279.663.728
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.931.687.905	18.695.140.174
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.342.992.658	4.358.966.242
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.706.637.887	5.236.547.731
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		5.195.721.608	5.195.721.608
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		245.228.060.912	250.775.008.443

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		352.515.227	352.515.227
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu


VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng


LÊ VĂN PHONG

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Giám đốc

**PHẠM CHÍ VŨ**

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

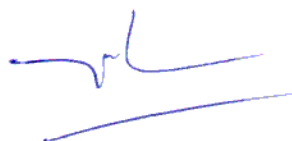
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.562.518.858	64.053.108.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		669.393	3.360.230
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.561.849.465	64.049.747.960
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.649.190.410	26.926.204.326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.912.659.055	37.123.543.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.091.406.766	2.834.903.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.269.767.679	4.476.204.020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.269.767.679	4.448.881.114
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	18.775.076.745	17.133.114.135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.911.087.007	5.528.010.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.048.134.390	12.821.118.434
11. Thu nhập khác	31	VI.7	43.280.165	28.888.751
12. Chi phí khác	32	VI.8	108.213.604	43.011.641
13. Lợi nhuận khác	40		(64.933.439)	(14.122.890)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.983.200.951	12.806.995.544
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.142.936.787	2.886.051.003
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.840.264.164	9.920.944.541
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Người lập biểu


VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng


LÊ VĂN PHONG

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



PHẠM CHÍ VŨ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

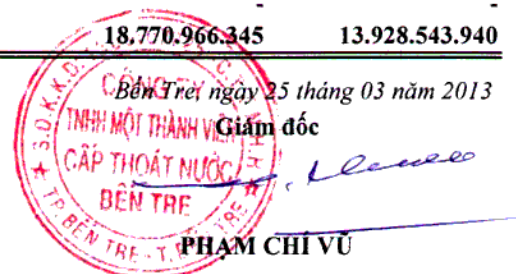
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.983.200.951	12.651.503.206
2. Điều chỉnh cho các khoản			23.741.968.833	16.316.259.314
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.563.607.920	14.679.542.351
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.091.406.766)	(2.812.164.151)
- Chi phí lãi vay	06		8.269.767.679	4.448.881.114
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.725.169.784	28.967.762.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.639.966.213	(10.273.770.359)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(399.044.691)	3.718.022.616
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.493.826.874	2.209.167.942
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.773.772.592	2.068.939.333
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.269.767.679)	(6.192.826.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.552.478.612)	(4.060.104.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.550.122.407	216.179.659
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.052.001.640)	(2.997.278.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.909.565.248	13.656.092.518
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.187.869.609)	(77.541.265.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.010.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.091.406.766	2.740.444.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.096.462.843)	(71.770.548.757)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	48.237.697.124
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.970.680.000)	(9.284.132.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.970.680.000)	38.953.565.124
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.842.422.405	(19.160.891.115)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.928.543.940	33.089.435.055
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		18.770.966.345	13.928.543.940

Người lập biểu


VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng


LÊ VĂN PHONG


CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE (tên viết tắt là: BTREWACO) là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5504000010 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 22 tháng 03 năm 2010 (Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 2 là 1300107725).

• Tổng vốn đầu tư : 119.925.574.903 VND

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các chi nhánh của Công ty:

• Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.

Địa chỉ: Số 005, khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

• Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Xí nghiệp tư vấn xây dựng.

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

• Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bến Tre – Xí nghiệp xây lắp.

Địa chỉ: Số 81A, ấp 1, quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai;
- Sản xuất và phân phối nước sạch. Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

Năm 2012 ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền: Bao gồm toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc xác định và ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được ghi nhận gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó; có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận trong Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của từng mặt hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá), phù hợp với quy định của Chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| • Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| • Phương tiện vận tải | 10 - 30 năm |
| • Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 15 năm |

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hoá theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chi phí để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính: Được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện và do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là khoản thuế được tính trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và chuyển lỗ theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận này.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, hiện tại Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án Sơn Đông – Bình Triệu (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm từ năm 2009 và giảm 50% cho các năm tiếp theo).

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Tiền mặt	395.667	668.792
- Tiền gửi ngân hàng (*)	7.623.097.809	2.333.754.292
- Các khoản tương đương tiền (**)	11.147.472.869	11.594.120.856
Cộng	18.770.966.345	13.928.543.940

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	5.225.970.548	1.439.032.386
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Khởi	2.130.974.421	836.149.480
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre	263.946.331	56.941.221
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Giồng Trôm	2.206.509	1.631.205
Cộng	7.623.097.809	2.333.754.292

() Các khoản tương đương tiền:** Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	7.147.472.869	7.594.120.856
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng khởi	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	11.147.472.869	11.594.120.856

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Phải thu của khách hàng (*)	8.238.875.903	8.485.859.082
- Trả trước cho người bán (**)	988.748.250	2.489.503.742
- Các khoản phải thu khác (***)	88.950.700	136.976.108
Cộng	9.316.574.853	11.112.338.932

(*) Chi tiết phải thu của khách hàng

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu tiền nước và phí bảo vệ môi trường	6.960.120.743	6.494.120.297
- Thành phố Bến Tre và Huyện Giồng Trôm	5.788.024.051	5.474.247.947
- Huyện Tân Thạch	871.325.850	767.567.108
- Huyện Chợ Lách	300.770.842	252.305.242
Phải thu tiền thi công mạng cấp thoát nước	1.278.755.160	1.991.738.785
Cộng	8.238.875.903	8.485.859.082

() Chi tiết trả trước cho người bán**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp Thoát Nước và Môi trường	928.298.250	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp Nước	-	906.777.380
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Môi trường	-	675.944.362
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bến Tre	-	436.064.000
- Khách hàng khác	60.450.000	470.718.000
Cộng	988.748.250	2.489.503.742

(*) Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Lãi dự thu của ngân hàng	76.819.484	94.458.887
- Khác	12.131.216	42.517.221
Cộng	88.950.700	136.976.108

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.387.549.634	5.991.763.591
- Công cụ, dụng cụ	32.433.275	16.044.134
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	988.512.899	1.643.392
Cộng	6.408.495.808	6.009.451.117

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	51.240.006
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	122.997.389	713.455.564
Cộng	122.997.389	764.695.570

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Tạm ứng (*)	111.265.550	213.564.290
- Ký quỹ thực hiện hợp đồng	57.000.000	-
Cộng	168.265.550	213.564.290

(*) Chi tiết tạm ứng:

	31/12/2012
	VND
- Bùi Viết Sơn	25.600.000
- Phạm Phương Lan	22.000.000
- Tống Văn Đước	19.516.000
- Lưu Văn Khanh	10.240.542
- Khác	33.909.008
Cộng	111.265.550

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	49.563.669.510	10.241.729.781	188.057.297.588	2.269.337.641	250.132.034.520
Tăng trong năm	30.368.480.884	4.911.919.805	21.175.617.019	88.990.909	56.545.008.617
- Tăng do mua sắm	-	227.800.000	-	88.990.909	316.790.909
- XDCB hoàn thành	30.368.480.884	4.684.119.805	21.175.617.019	-	56.228.217.708
Giảm trong năm	20.725.111	-	28.330.229	-	49.055.340
Số dư cuối năm	79.932.150.394	15.153.649.586	209.232.914.607	2.358.328.550	306.677.043.137
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	17.680.915.918	5.219.840.782	59.467.783.902	1.982.842.478	84.351.383.080
Tăng trong năm	3.456.819.110	1.180.457.189	11.781.122.465	81.875.823	16.500.274.587
Giảm trong năm	1.062.489	-	-	-	1.062.489
- Giảm khác	1.062.489	-	-	-	1.062.489
Số dư cuối năm	21.136.672.539	6.400.297.971	71.248.906.367	2.064.718.301	100.850.595.178
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.882.753.592	5.021.888.999	128.589.513.686	286.495.163	165.780.651.440
Tại ngày cuối năm	58.795.477.855	8.753.351.615	137.984.008.240	293.610.249	205.826.447.959

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 12.501.790.558 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý là: 154.715.440 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 92.122.219.755 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.000.000	190.000.000	220.000.000
Tăng trong năm	318.367.900	-	318.367.900
- Tăng do mua sắm	318.367.900	-	318.367.900
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	348.367.900	190.000.000	538.367.900
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	-	15.833.333	15.833.333
Tăng trong năm	-	63.333.333	63.333.333
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	79.166.666	79.166.666
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	30.000.000	174.166.667	204.166.667
Tại ngày cuối năm	348.367.900	110.833.334	459.201.234

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND
- Tuyến ống cấp nước Cầu Bến Tre I – TL887	851.489.427
- Tuyến ống cấp nước PVC D60 đợt 1/2012	530.027.515
- Tuyến ống cấp nước PVC D60 Lộ Vành Đai	283.183.706
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	763.974.441
- Khác	646.745.254
Cộng	3.075.420.343

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.079.691.431	2.853.464.023
Cộng	1.079.691.431	2.853.464.023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (a)	9.520.000.000	10.406.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre (b)	3.684.680.000	3.484.264.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (c)	880.000.000	880.000.000
Cộng	14.084.680.000	14.770.264.000

Vay và nợ ngắn hạn là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013, chi tiết xem thuyết minh tại khoản mục Vay và nợ dài hạn.

11. Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và CNMT Dương Nhật	-	1.591.616.864
- Công ty Cổ phần Khoan và Xây lắp CTN	-	817.392.782
- Công ty TNHH Ống Gang Cầu Đài Việt	171.945.400	-
- Khác	138.093.384	409.646.974
Cộng	310.038.784	2.818.656.620

12. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng ứng trước.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
- Thuế giá trị gia tăng	202.918.077	-
- Thuế thu nhập cá nhân	248.373.007	124.827.353
- Thuế tài nguyên	11.356.930	8.358.779
- Các khoản phải nộp khác	145.232.955	133.739.055
Cộng	607.880.969	266.925.187

14. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí lãi vay của Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre theo bảng duyệt giá thành của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	99.049.689	89.093.750
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	11.000.000
- Khác	27.499.582	52.189.316
Cộng	135.549.271	152.283.066

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	2.872.345.414	2.093.642.797
- Quỹ phúc lợi	1.145.870.591	923.290.469
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	200.000.000	399.500.000
Cộng	4.218.216.005	3.416.433.266

17. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn ngân hàng, chi tiết như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (a)	61.112.000.000	69.832.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre (b)	11.143.027.386	13.975.948.092
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (c)	1.748.253.388	1.423.353.032
Cộng	74.003.280.774	85.231.301.124

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(a) Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam) và Công ty Cấp Thoát Nước tỉnh Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

+ Hạn mức	: 64.836.778.484 VND.
+ Thời hạn vay	: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ.
+ Lãi suất	: 5.00%/năm.
+ Tài sản đảm bảo	: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐTCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010.
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2012	: 50.784.000.000 VND (trong đó nợ gốc phải trả trong năm 2013 là 2.162.000.000 VND).

Hợp đồng tín dụng số 02/2010/HĐTĐĐT-NHPT-PC ngày 26/08/2010 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng tín dụng số 02A/2010/HĐTĐĐT-NHPT-PC ngày 26/10/2010, 02B/2010/HĐTĐĐT-NHPT-BTR ngày 12/09/2011 và 02C/2010/HĐTĐĐT-NHPT-BTR ngày 27/10/2011.

+ Hạn mức	: 29.400.000.000 VND.
+ Thời hạn vay	: 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu.
+ Lãi suất	: 9.60%/năm (lãi quá hạn 14.40%/năm).
+ Mục đích vay	: Mở rộng và nâng cấp công suất Nhà máy Nước Sơn Đông, thành phố Bến Tre từ 16.900 m ³ /ngày lên 31.900 m ³ /ngày.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc theo Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐTCTS-NHPT-PC ngày 26/08/2010, phụ lục Hợp đồng thế chấp số 02A/2010/HĐTCTS-NHPT-PC và Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2010/HĐTCTS-NHPT-PC ngày 26/10/2010. Tổng giá trị tài sản đảm bảo ước tính là 47.798.463.538 VND.
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2012	: 18.370.000.000 VND (trong đó nợ gốc phải trả trong năm 2013 là 5.880.000.000 VND).

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT-PC ngày 27/05/2008 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần cuối số 2E/2008/HĐTĐĐT-NHPT-PC ngày 09/06/2009.

- + Hạn mức : 12.979.000.000 VND.
- + Thời hạn vay : 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu.
- + Lãi suất : 11.40%/năm cho số tiền vay giải ngân trước ngày 12/02/2009 và 6.90%/năm cho số tiền vay giải ngân từ ngày 12/02/2009.
- + Mục đích vay : Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông – Thành Triệu, tỉnh Bến Tre.
- + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản khác, bao gồm:
 - Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông – Thành Triệu, tỉnh Bến Tre.
 - Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Giồng Trôm và các vùng lân cận.
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2012 : 1.478.000.000 VND (trong đó nợ gốc phải trả trong năm 2013 là 1.478.000.000 VND).

(b) Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre

Hợp đồng tín dụng số H003/13 ngày 09/03/2011.

- + Hạn mức : 30.000.000.000 VND.
- + Thời hạn vay : 6 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu.
- + Lãi suất : 1.625%/tháng (tương đương 19.50%/năm), lãi suất được điều chỉnh hàng quý theo lãi suất cho vay của quý liền kề trước đó.
- + Tài sản đảm bảo : Đường ống dẫn nước thô Φ 600 mm, từ Rạch Bến Ró đến Cầu Thành Triệu chiều dài 5.132 m.
Tổng giá trị tài sản thế chấp là 45.455.400.000 VND.
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2012 : 14.827.707.386 VND (trong đó nợ gốc phải trả trong năm 2013 là 3.684.680.000 VND).

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(c) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Hợp đồng tín dụng số 11.09.007/HĐTD ngày 28/05/2011.

- + Hạn mức : 4.000.000.000 VND.
- + Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu..
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay trung hạn = Lãi suất cơ sở + Biên độ nhưng tối thiểu không thấp hơn lãi suất theo quy định của bên cho vay theo từng thời kỳ.
Lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ đầu tiên là 20.50%/năm.
- + Tài sản đảm bảo : Công trình Cấp nước Chợ Lách theo Hợp đồng thế chấp số 11.0044/HĐTC/00 ngày 26/05/2011.
Tổng giá trị tài sản thế chấp là 6.600.000.000 VND.
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2012 : 2.628.253.388 VND (trong đó nợ gốc phải trả trong năm 2013 là 880.000.000 VND).

18. Vốn chủ sở hữu**Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

(Chi tiết xem phụ lục 1)

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2012	31/12/2011
		VND	VND
- Vốn góp của Nhà nước	100.00%	102.108.198.840	102.108.198.840
Cộng	100.00%	102.108.198.840	102.108.198.840

() Chi tiết phân phối lợi nhuận**

Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
- Phân phối LN năm 2011	-	5.236.547.731	-	5.236.547.731
- Tạm phân phối LN năm 2012	4.149.599.861	-	984.026.416	5.133.626.277
Cộng	4.149.599.861	5.236.547.731	999.424.914	10.370.174.008

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Doanh thu cung cấp nước	72.257.901.240	59.104.221.904
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	2.267.237.214	4.623.905.210
- Doanh thu bán vật tư	30.839.042	219.612.408
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.541.362	105.368.668
Cộng	74.562.518.858	64.053.108.190

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn nước máy	26.408.310.238	22.031.377.822
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	2.210.786.242	4.691.884.428
- Giá vốn bán vật tư	30.093.930	202.942.076
Cộng	28.649.190.410	26.926.204.326

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.091.406.766	2.834.903.065
Cộng	1.091.406.766	2.834.903.065

4. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí lãi vay	8.269.767.679	4.448.881.114
- Khác	-	27.322.906
Cộng	8.269.767.679	4.476.204.020

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.596.840.570	1.285.862.064
- Chi phí vật liệu, bao bì	4.762.303.866	4.062.124.502
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.765.126.694	1.764.075.610
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.524.502.968	9.963.203.126
- Chi phí khác	126.302.647	57.848.833
Cộng	18.775.076.745	17.133.114.135

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.250.642.154	3.143.077.673
- Chi phí đồ dùng văn phòng	397.305.816	506.966.526
- Chi phí khấu hao TSCĐ	371.234.869	379.280.164
- Thuế, phí và lệ phí	148.615.113	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.736.500	427.394.582
- Chi phí khác	1.666.552.555	1.063.291.165
Cộng	6.911.087.007	5.528.010.110

7. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	28.800.465	-
- Khác	14.479.700	28.888.751
Cộng	43.280.165	28.888.751

8. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Nộp phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế theo Quyết định của Thanh tra tỉnh Bến Tre	108.213.604	-
- Khác	-	43.011.641
Cộng	108.213.604	43.011.641

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.983.200.951
Các khoản điều chỉnh tăng	114.763.604
- Các khoản chi phí không được trừ	114.763.604
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.097.964.555
Thuế suất	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.274.491.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	131.554.352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.142.936.787

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu đã điều chỉnh theo Quyết định của thanh tra tỉnh Bến Tre do đó có sự chênh lệch so với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Báo cáo năm trước (VND)	Số liệu sau điều chỉnh (VND)	Chênh lệch (VND)
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu khách hàng	8.436.588.418	8.485.859.082	49.270.664
Thuế GTGT được khấu trừ	5.159.277.724	5.157.205.213	(2.072.511)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	809.521.070	764.695.570	(44.825.500)
Tài sản cố định hữu hình	165.827.146.961	165.780.651.440	(46.495.521)
<i>Nguyên giá</i>	<i>250.178.464.405</i>	<i>250.132.034.520</i>	<i>(46.429.885)</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	<i>(84.351.317.444)</i>	<i>(84.351.383.080)</i>	<i>(65.636)</i>
Tài sản cố định vô hình	30.000.000	204.166.667	174.166.667
<i>Nguyên giá</i>	<i>30.000.000</i>	<i>220.000.000</i>	<i>190.000.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	<i>-</i>	<i>(15.833.333)</i>	<i>(15.833.333)</i>
Chi phí trả trước dài hạn	2.831.380.031	2.853.464.023	22.083.992
Phải trả người bán	2.820.513.807	2.818.656.620	(1.857.187)
Quỹ dự phòng tài chính	4.343.567.744	4.358.966.242	15.398.498

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

LN sau thuế chưa phân phối	5.097.961.251	5.236.547.731	138.586.480
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí bán hàng	17.307.280.802	17.133.114.135	(174.166.667)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.509.335.781	5.528.010.110	18.674.329
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	12.665.626.096	12.821.118.434	155.492.338
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.651.503.206	12.806.995.544	155.492.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.850.782.443	2.886.051.003	35.268.560

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng

LÊ VĂN PHONG

Giám đốc



PHẠM CHÍ VŨ

CHI TIẾT TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

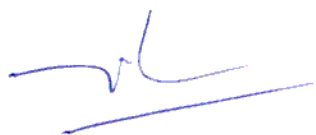
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	102.108.198.840	3.279.663.728	11.676.471.095	3.363.495.668	5.195.721.608	7.118.669.079	132.742.220.018
Tăng trong năm trước	-	-	7.018.669.079	995.470.574	-	9.920.944.541	17.935.084.194
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	9.920.944.541	9.920.944.541
- Phân phối lợi nhuận	-	-	7.018.669.079	995.470.574	-	-	8.014.139.653
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(11.803.065.889)	(11.803.065.889)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(11.803.065.889)	(11.803.065.889)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	102.108.198.840	3.279.663.728	18.695.140.174	4.358.966.242	5.195.721.608	5.236.547.731	138.874.238.323
Tăng trong năm nay	-	-	5.236.547.731	984.026.416	-	9.840.264.164	16.060.838.311
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.840.264.164	9.840.264.164
- Phân phối lợi nhuận	-	-	5.236.547.731	984.026.416	-	-	6.220.574.147
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.370.174.008)	(10.370.174.008)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(10.370.174.008)	(10.370.174.008)
Số dư cuối năm nay	102.108.198.840	3.279.663.728	23.931.687.905	5.342.992.658	5.195.721.608	4.706.637.887	144.564.902.626

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2013

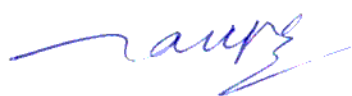
Người lập biểu

Kế toán trưởng

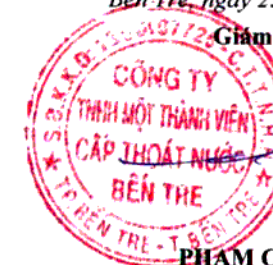
Giám đốc



VÕ THỊ THIÊN TRANG



LÊ VĂN PHONG



PHẠM CHÍ VŨ